

Số: /QĐ-UBND

Ninh Thuận, ngày tháng 12 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phân công các Sở, ban, ngành, các Hội, đoàn thể
phụ trách tiêu chí và hỗ trợ các địa phương thực hiện
xây dựng nông thôn mới đến năm 2025**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NINH THUẬN

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia Xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Quyết định số 318/QĐ-TTg ngày 08 tháng 3 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới và Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Quyết định số 319/QĐ-TTg ngày 08 tháng 3 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc quy định xã nông thôn mới kiểu mẫu giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Quyết định số 320/QĐ-TTg ngày 08 tháng 3 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về huyện nông thôn mới; quy định thị xã, thành phố trực thuộc cấp tỉnh hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới và Bộ tiêu chí quốc gia về huyện nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Quyết định số 504/QĐ-UBND ngày 20 tháng 9 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Bộ tiêu chí về xã nông thôn mới theo các mức độ (đạt chuẩn, nâng cao, kiểu mẫu) trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Kế hoạch số 4174/KH-UBND ngày 23 tháng 9 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận;

Theo đề nghị của Chánh văn phòng Điều phối nông thôn mới tỉnh tại Tờ trình số 91/TTr-VPĐP ngày 14 tháng 11 năm 2022 và Công văn số 106/VPĐP ngày 05/12/2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phân công các Sở, ban, ngành, các Hội, đoàn thể có trách nhiệm hỗ trợ,

đỡ đầu các xã phấn đấu hoàn thành đạt chuẩn nông thôn mới, nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu đến năm 2025 (theo Phụ lục I) và hỗ trợ các xã thực hiện tiêu chí xây dựng nông thôn mới (theo Phụ lục II).

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Các Sở, ban, ngành, các Hội, đoàn thể được phân công hỗ trợ, đỡ đầu các xã trong xây dựng nông thôn mới tại Điều 1 có trách nhiệm:

- Giúp đỡ các xã tổ chức triển khai Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn xã đạt hiệu quả; có trách nhiệm hỗ trợ các huyện, xã trên địa bàn tỉnh thực hiện các tiêu chí thuộc phạm vi, lĩnh vực ngành được phân công phụ trách và quản lý.

- Trực tiếp hỗ trợ, tài trợ thông qua các dự án, đề án, chương trình,... do đơn vị quản lý hoặc vận động các tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp tài trợ bằng nhiều hình thức khác nhau để thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn các xã.

- Kết quả hỗ trợ được xem như một chỉ tiêu, nhiệm vụ khi xét, đánh giá phân loại đơn vị cuối năm.

- Định kỳ hàng quý, 6 tháng, năm (chậm nhất sau 5 ngày khi kết thúc quý, 10 ngày khi kết thúc 6 tháng và cả năm) các Sở, ban, ngành, các Hội, đoàn thể báo cáo kết quả hỗ trợ thực hiện tiêu chí và hỗ trợ, đỡ đầu các xã gửi Ban Chỉ đạo các Chương trình mục tiêu quốc gia tỉnh Ninh Thuận giai đoạn 2021-2025 (thông qua Văn phòng Điều phối nông thôn mới tỉnh) để xem xét chỉ đạo.

- Các cơ quan, đơn vị được phân công hỗ trợ các xã phấn đấu đạt chuẩn năm 2022 theo Kế hoạch số 909/KH-UBND ngày 07/3/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh và Quyết định này tiếp tục thực hiện hỗ trợ các xã cho đến khi đạt chuẩn.

2. Các xã được hỗ trợ có trách nhiệm tạo điều kiện thuận lợi để các đơn vị hỗ trợ, đỡ đầu thực hiện hoàn thành nhiệm vụ; phối hợp quản lý, sử dụng công khai, minh bạch và hiệu quả các nguồn lực được hỗ trợ.

3. Văn phòng Điều phối nông thôn mới tỉnh chủ động phối hợp với các cơ quan, đơn vị được phân công hỗ trợ, đỡ đầu các xã trong quá trình triển khai thực hiện; tổng hợp báo cáo kết quả, hiệu quả hỗ trợ của các cơ quan, đơn vị và đề xuất, kiến nghị những vấn đề phát sinh gửi Ủy ban nhân dân tỉnh, Ban Chỉ đạo các Chương trình mục tiêu quốc gia tỉnh Ninh Thuận giai đoạn 2021-2025 để xem xét chỉ đạo.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành và thay thế Quyết định số 1337/QĐ-UBND ngày 13/8/2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc phân công các Sở, Ban, Ngành, các Hội, đoàn thể hỗ trợ các xã phấn đấu đạt chuẩn nông thôn mới giai đoạn 2018-2020 và hỗ trợ các xã thực hiện tiêu chí xây dựng nông thôn mới.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở; Thủ trưởng các ban, ngành, các Hội, đoàn thể được phân công; Chánh Văn phòng Điều phối nông thôn mới tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Văn phòng Điều phối NTM TW;
- TT: Tỉnh ủy, HĐND tỉnh (b/cáo);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- VPUB: LĐ, KTTH;
- Lưu: VT. HC

CHỦ TỊCH



Trần Quốc Nam

Phụ lục I

DANH SÁCH PHÂN CÔNG CÁC SỞ, NGÀNH PHỤ TRÁCH CÁC XÃ XÂY DỰNG ĐẠT CHUẨN NÔNG THÔN MỚI THEO CÁC MỨC ĐỘ (ĐẠT CHUẨN, NÂNG CAO, KIỂU MẪU) ĐẾN NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số QĐ-UBND ngày /12/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh)

STT	Đơn vị hỗ trợ	Xã được hỗ trợ	Năm phấn đấu đạt chuẩn	Mức phấn đấu đạt chuẩn
1	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Hoà Sơn	2023	Đạt chuẩn NTM
2	Cục Thống kê tỉnh	Phước Dinh	2023	Đạt chuẩn NTM
3	Ban Dân tộc tỉnh	Ma Nới	2024	Đạt chuẩn NTM
4	Sở Y tế	Phước Đại	2025	Đạt chuẩn NTM
5	Tinh đoàn Ninh Thuận	Phước Hoà	2025	Đạt chuẩn NTM
6	Hội Liên hiệp phụ nữ tỉnh	Bắc Sơn	2025	Đạt chuẩn NTM
7	Ban Dân tộc tỉnh	Phước Hà	2025	Đạt chuẩn NTM
8	Sở Tài chính	Nhon Sơn	2023	Đạt chuẩn NTM nâng cao
9	Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh	Cà Ná	2023	Đạt chuẩn NTM nâng cao
10	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Phước Diêm	2023	Đạt chuẩn NTM nâng cao
11	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh	Nhon Hải	2023	Đạt chuẩn NTM nâng cao
12	Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh	Phước Sơn	2023	Đạt chuẩn NTM nâng cao
13	Hội Nông dân tỉnh	Lâm Sơn	2024	Đạt chuẩn NTM nâng cao

14	Công an tỉnh	Vĩnh Hải	2024	Đạt chuẩn NTM nâng cao
15	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam tỉnh	Bắc Phong	2025	Đạt chuẩn NTM nâng cao
16	Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh	Phước Vinh	2025	Đạt chuẩn NTM nâng cao
17	Sở Thông tin và Truyền thông	Phước Hữu	2025	Đạt chuẩn NTM nâng cao
18	Sở Giao thông vận tải	Phước Hải	2025	Đạt chuẩn NTM nâng cao
19	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Phước Diêm	2025	Đạt chuẩn NTM kiểu mẫu
20	Sở Xây dựng	Thanh Hải	2025	Đạt chuẩn NTM kiểu mẫu
21	Sở Nội vụ	Tri Hải	2025	Đạt chuẩn NTM kiểu mẫu
22	Sở Lao động-Thương binh và Xã hội	Phước Hậu	2025	Đạt chuẩn NTM kiểu mẫu
23	Sở Khoa học và Công nghệ	Phước Thuận	2025	Đạt chuẩn NTM kiểu mẫu
24	Sở Công Thương	Thành Hải	2025	Đạt chuẩn NTM kiểu mẫu

Phụ lục II

DANH SÁCH PHÂN CÔNG CÁC SỞ, NGÀNH PHỤ TRÁCH CÁC TIÊU CHÍ XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /12/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh)

STT	Tên đơn vị	Tiêu chí phụ trách			
		Bộ tiêu chí cấp xã		Bộ tiêu chí cấp huyện	
		Xã NTM	Xã NTM nâng cao	Huyện NTM	Huyện NTM nâng cao
1	Sở Xây dựng	Tiêu chí số 1 - Quy hoạch	Tiêu chí số 1 - Quy hoạch	Tiêu chí số 1 - Quy hoạch	Tiêu chí số 1 - Quy hoạch
		Tiêu chí số 9 - Nhà ở dân cư	Tiêu chí số 9 - Nhà ở dân cư		
		Chỉ tiêu số 17.5 thuộc Tiêu chí số 17 - Môi trường và an toàn thực phẩm	Chỉ tiêu số 17.9 thuộc Tiêu chí số 17 - Môi trường		
2	Sở Giao thông vận tải	Tiêu chí số 2 - Giao thông	Tiêu chí số 2 - Giao thông	Tiêu chí số 2 - Giao thông (trừ chỉ tiêu 2.3)	Tiêu chí số 2 - Giao thông
3	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Tiêu chí số 3 - Thủy lợi và phòng, chống thiên tai	Tiêu chí số 3 - Thủy lợi và phòng, chống thiên tai	Chỉ tiêu 2.3 thuộc Tiêu chí số 2 - Giao thông	Tiêu chí số 3 về Thủy lợi và phòng, chống thiên tai

		Tiêu chí số 13 - Tổ chức sản xuất và phát triển kinh tế nông thôn (trừ chỉ tiêu 13.1)	Các chỉ tiêu: 13.2, 13.3, 13.4, 13.5, 13.6, 13.8 thuộc tiêu chí thuộc tiêu chí số 13 - Tổ chức sản xuất và phát triển kinh tế nông thôn	Tiêu chí số 3 - Thuỷ lợi và phòng, chống thiên tai	Các chỉ tiêu số 6.1 (về nội dung có cụm ngành nghề nông thôn được đầu tư cơ sở hạ tầng đồng bộ), 6.2, 6.4 thuộc tiêu chí số 6 - Kinh tế
		Các chỉ tiêu: 17.1, 17.4, 17.9, 17.10 thuộc Tiêu chí số 17 - Môi trường và an toàn thực phẩm	Các chỉ tiêu: 17.7, 17.8, 17.11 thuộc Tiêu chí số 17 - Môi trường	Các chỉ tiêu: 6.1 (về có cụm ngành nghề nông thôn), 6.3, 6.4 thuộc tiêu chí Kinh tế	Các chỉ tiêu số 7.3, 7.6 thuộc tiêu chí số 7 - Môi trường.
				Các chỉ tiêu: 7.3, 7.6 thuộc tiêu chí Môi trường	Các chỉ tiêu số 8.1, 8.2, 8.3, 8.6, 8.7, 8.8 thuộc Tiêu chí số 8 - Chất lượng môi trường sống
			Tiêu chí số 18 - Chất lượng môi trường sống	Các chỉ tiêu: 8.1, 8.2, 8.5 thuộc Tiêu chí số 8 - Chất lượng môi trường sống	
4	Sở Công Thương	Tiêu chí số 4 - Điện	Tiêu chí số 4 - Điện	Tiêu chí số 4 - Điện	Tiêu chí số 4 - Điện
		Tiêu chí số 7 - Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn	Tiêu chí số 7 - Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn	Các chỉ tiêu số 6.1 (trừ nội dung có cụm ngành nghề nông thôn); 6.2 thuộc tiêu chí số 6 - Kinh tế	Các chỉ tiêu số 6.1 (trừ nội dung có cụm ngành nghề nông thôn được đầu tư cơ sở hạ tầng đồng bộ);

					6.3 thuộc tiêu chí số 6 - Kinh tế
5	Sở Giáo dục và Đào tạo	Tiêu chí số 5 - Trường học.	Tiêu chí số 5 - Giáo dục	Các chỉ tiêu số 5.3, 5.4 thuộc tiêu chí số 5 - Y tế - Văn hóa - Giáo dục	Các chỉ tiêu số 5.4, 5.5 thuộc tiêu chí số 5 - Y tế - Văn hóa - Giáo dục
		Tiêu chí số 14 - Giáo dục và Đào tạo			
6	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Tiêu chí số 6 - Cơ sở vật chất văn hóa	Tiêu chí số 6 - Văn hóa	Chỉ tiêu số 5.2 thuộc tiêu chí số 5 - Y tế - Văn hóa - Giáo dục	Các chỉ tiêu số 5.2, 5.3 thuộc tiêu chí số 5 - Y tế - Văn hóa - Giáo dục
		Tiêu chí số 16 - Văn hóa	Chỉ tiêu số 13.7 thuộc tiêu chí số 13 - Tổ chức sản xuất và phát triển kinh tế nông thôn		Chỉ tiêu số 6.5 thuộc tiêu chí số 6 - Kinh tế
7	Sở Thông tin và Truyền thông	Tiêu chí số 8 - Thông tin và Truyền thông	Tiêu chí số 8 - Thông tin và Truyền thông.	Chỉ tiêu số 9.5 thuộc tiêu chí số 9 - Hệ thống Chính trị - An ninh trật tự - Hành chính công	Chỉ tiêu số 9.2 thuộc tiêu chí số 9 - An ninh, trật tự - Hành chính công
			Tiêu chí số 15 - Hành chính công		
8	Sở Lao động-Thương binh và Xã hội	Tiêu chí số 11 - Nghèo đa chiều	Tiêu chí số 11 - Nghèo đa chiều.		
		Tiêu chí số 12 - Lao động	Tiêu chí số 12 - Lao động		
		Chỉ tiêu số 18.5 thuộc tiêu chí số 18 - Hệ thống chính trị và tiếp cận pháp luật			

9	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Chỉ tiêu số 13.1 thuộc tiêu chí số 13 - Tổ chức sản xuất và phát triển kinh tế nông thôn	Chỉ tiêu số 13.1 thuộc tiêu chí số 13 - Tổ chức sản xuất và phát triển kinh tế nông thôn		
10	Sở Y tế	Tiêu chí số 15 - Y tế	Tiêu chí số 14 - Y tế	Chỉ tiêu số 5.1 thuộc tiêu chí số 5 - Y tế - Văn hóa - Giáo dục	Chỉ tiêu số 5.1 thuộc tiêu chí số 5 - Y tế - Văn hóa - Giáo dục
11	Sở Tài nguyên và Môi trường	Các chỉ tiêu số 17.2, 17.3, 17.6, 17.7, 17.11, 17.12 thuộc tiêu chí số 17 - Môi trường và an toàn thực phẩm	Các chỉ tiêu số 17.1, 17.2, 17.3, 17.4, 17.5, 17.6, 17.12 thuộc tiêu chí số 17 - Môi trường và an toàn thực phẩm	Các chỉ tiêu số 7.1, 7.2, 7.4, 7.5, 7.7, 7.8 thuộc tiêu chí số 7 - Môi trường	Các chỉ tiêu số 7.1, 7.2, 7.4, 7.5, 7.7, 7.8 thuộc tiêu chí số 7 - Môi trường
			Chỉ tiêu số 18.8 thuộc tiêu chí số 18 - Chất lượng môi trường sống	Các chỉ tiêu số 8.3, 8.4 thuộc tiêu chí số 8 về Chất lượng môi trường sống	Các chỉ tiêu số 8.4, 8.5 thuộc tiêu chí số 8 - Chất lượng môi trường sống
12	Sở Nội vụ	Chỉ tiêu số 18.1 thuộc tiêu chí số 18 - Hệ thống chính trị và tiếp cận pháp luật			
13	Sở Tư pháp	Chỉ tiêu số 18.4 thuộc tiêu chí số 18 - Hệ thống chính trị và tiếp cận pháp luật	Tiêu chí số 16 về Tiếp cận Pháp luật	Chỉ tiêu số 9.6 thuộc tiêu chí số 9 - Hệ thống Chính trị - An ninh trật tự - Hành chính công	
14	Cục Thống kê tỉnh	Tiêu chí số 10 - Thu nhập	Tiêu chí số 10 - Thu nhập		

15	Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh	Chỉ tiêu số 19.1 thuộc tiêu chí số 19 - Quốc phòng và An ninh	Chỉ tiêu số 19.1 thuộc tiêu chí số 19 - Quốc phòng và An ninh		
16	Công an tỉnh	Chỉ tiêu số 19.2 thuộc tiêu chí số 19 - Quốc phòng và An ninh	Chỉ tiêu số 19.2 thuộc tiêu chí số 19 - Quốc phòng và An ninh	Chỉ tiêu số 9.4 thuộc tiêu chí số 9 - Hệ thống Chính trị - An ninh trật tự - Hành chính công	Chỉ tiêu số 9.1 thuộc tiêu chí số 9 - An ninh, trật tự - Hành chính công
17	Văn phòng Điều phối nông thôn mới tỉnh	Chỉ tiêu số 18.6 thuộc tiêu chí số 18 - Hệ thống chính trị và tiếp cận pháp luật			Chỉ tiêu số 8.9 thuộc tiêu chí số 8 - Chất lượng môi trường sống
18	Hội Liên hiệp phụ nữ	Chỉ tiêu số 17.8 thuộc tiêu chí số 17 - Môi trường và an toàn thực phẩm	Chỉ tiêu số 18.7 thuộc tiêu chí số 18 - Chất lượng môi trường sống		
19	Cấp uỷ, Chính quyền, Tổ chức chính trị- xã hội cấp trên trực tiếp (Mặt trận, Đoàn Thanh niên, Hội Nông dân, Hội Liên hiệp phụ nữ, Hội Cựu chiến binh)	Các chỉ tiêu số 18.2, 18.3 thuộc tiêu chí số 18 về Hệ thống chính trị và tiếp cận pháp luật.		Các chỉ tiêu số 9.1, 9.2, 9.3 thuộc tiêu chí số 9 - Hệ thống Chính trị - An ninh trật tự - Hành chính công	